



PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG

2024



Benefits

TRONG QUÁ TRÌNH LAO ĐỘNG



TỒN TẠI – PHÁT SINH

LUẬT AT-VSLĐ

84/2015/QH13

BAN HÀNH NGÀY 26/6/2015

HIỆU LỰC NGÀY 01/07/2016

1. Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được phân loại căn cứ vào đặc điểm, điều kiện lao động đặc trưng của mỗi nghề, công việc.

2. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm sau khi có ý kiến của Bộ Y tế; quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động.

3. Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động và chăm sóc sức khỏe đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật.



TT 29/2021/TT-BLĐTBXH

QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG

NGÀY BAN HÀNH 28/12/2021

NGÀY HIỆU LỰC 15/04/2022

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng lao động, người lao động theo quy định tại Điều 2 Luật An toàn, vệ sinh lao động.
2. Tổ chức thực hiện đánh giá, phân loại lao động theo điều kiện lao động.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đánh giá, phân loại lao động theo điều kiện lao động.

TT 29/2021/TT-BLĐTBXH

QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG

NGÀY BAN HÀNH 28/12/2021

NGÀY HIỆU LỰC 15/04/2022

Điều 3. Phân loại lao động theo điều kiện lao động

1. Loại điều kiện lao động

- a) Nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là nghề, công việc có điều kiện lao động được xếp loại V, VI.
- b) Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là nghề, công việc có điều kiện lao động được xếp loại IV.
- c) Nghề, công việc không nặng nhọc, không độc hại, không nguy hiểm là nghề, công việc có điều kiện lao động được xếp loại I, II, III.

2. Nguyên tắc phân loại lao động theo điều kiện lao động

Việc phân loại lao động theo điều kiện lao động phải dựa trên kết quả đánh giá xác định điều kiện lao động theo phương pháp quy định tại Thông tư này.

TT 29/2021/TT-BLĐTBXH

QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG

NGÀY BAN HÀNH 28/12/2021

NGÀY HIỆU LỰC 15/04/2022

Điều 4. Mục đích sử dụng phương pháp phân loại lao động theo điều kiện lao động

Phương pháp phân loại lao động theo điều kiện lao động ban hành kèm theo Thông tư này được sử dụng với mục đích như sau:

1. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc đưa ra khỏi Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (sau đây gọi tắt là Danh mục nghề).
2. Phân loại lao động theo điều kiện lao động đối với nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động để thực hiện các chế độ bảo hộ lao động và chăm sóc sức khỏe đối với người lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Điều 10. Trách nhiệm của người sử dụng lao động và các cơ quan liên quan

1. Người sử dụng lao động thực hiện rà soát, đánh giá, phân loại lao động lần đầu và khi có sự thay đổi về công nghệ, quy trình tổ chức sản xuất dẫn đến việc thay đổi về điều kiện lao động hoặc khi thực hiện đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của [Luật An toàn, vệ sinh lao động](#) mà phát hiện những yếu tố nguy hiểm, có hại mới phát sinh so với lần đánh giá trước đó nhưng phải bảo đảm thực hiện rà soát, đánh giá, **phân loại điều kiện lao động tối thiểu 01 lần trong vòng 05 năm.**

2. Đối với nghề, công việc tại nơi làm việc thuộc Danh mục nghề đã được người sử dụng lao động thực hiện các biện pháp loại trừ, giảm thiểu tác động của các yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì người sử dụng lao động tổ chức đánh giá, phân loại lao động và đề xuất về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được xem xét, có ý kiến về kết quả đánh giá, phân loại lao động. Trong đó phải gửi kèm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Tổ chức đánh giá, phân loại lao động theo phương pháp phân loại lao động được ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Người sử dụng lao động và các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Đối với các nghề, công việc đã được đánh giá, phân loại lao động theo quy định tại khoản 2 Điều này mà không còn đặc điểm, điều kiện lao động đặc trưng của nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc độc hại, nguy hiểm thì người sử dụng lao động không phải thực hiện các chế độ đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc độc hại, nguy hiểm, sau khi có ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội



**DANH MỤC NGHỀ
NẶNG NHỌC
ĐỘC HẠI
NGUY HIỂM
ĐẶC BIỆT ...**

**ĐIỀU 22 LUẬT AT-VSLĐ
TT 11/2020/TT-BLĐTBXH**

*BAN HÀNH DANH MỤC NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM
VÀ NGHỀ, CÔNG VIỆC ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM*

NGÀY BAN HÀNH 12/07/2020

NGÀY HIỆU LỰC 01/03/2021

TT SỐ: 19/2023/TT-BLĐTBXH

*BAN HÀNH BỔ SUNG DANH MỤC NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG
NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM VÀ NGHỀ, CÔNG VIỆC ĐẶC
BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM*

Ban hành ngày: 29/12/2023

Ngày hiệu lực: 15/02/2024

Lợi ích là gì?





KHÁM SỨC KHỎE

NỘI DUNG SỐ 1

Khoản 1. Điều 21 Luật AT:

Hàng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất một lần cho người lao động; **đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần.**

Khoản 3. Điều 21 Luật AT

3. Người sử dụng lao động tổ chức khám sức khỏe cho người lao động trước khi bố trí làm việc và trước khi chuyển sang làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hơn hoặc sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã phục hồi sức khỏe, tiếp tục trở lại làm việc, trừ trường hợp đã được Hội đồng y khoa khám giám định mức suy giảm khả năng lao động

Khoản 1,3 điều 21 của luật AT – VSLĐ





KHÁM PHÁT HIỆN BNN

THÔNG TƯ SỐ : 28/2016/TT-BYT
HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ BỆNH NGHỀ NGHIỆP
Ngày ban hành: 30 tháng 06 năm 2016

NỘI DUNG SỐ 2

Điều 3. Đối tượng và thời gian khám sức khỏe trước khi bố trí làm việc

1. Đối tượng khám sức khỏe trước khi bố trí làm việc là người lao động theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Luật an toàn, vệ sinh lao động.
2. Việc khám sức khỏe cho người lao động quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trước khi bố trí người lao động vào làm các công việc có yếu tố có hại.

Điều 3 Thông tư 28/2016/TT-BYT



KHÁM BỆNH NGHỀ NGHIỆP

❖ **TT số: 15/2016/TT - BYT**
Phụ lục 4

❖ **TT số: 28/2016/TT - BYT**

02. TẦN SUẤT KHÁM

❖ **06 tháng/ lần đối với người lao động là người khuyết tật, chưa thành niên, người cao tuổi. Các đối tượng khác 1 năm/ lần**

01. ĐỐI TƯỢNG KHÁM PHÁT HIỆN BNN

- ❖ **Khi tiếp xúc với yếu tố có hại**
- ❖ **Làm nghề công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm, ĐBNNĐHNH**

- *Danh mục nghề nặng nhọc độc hại nguy hiểm, ĐBNNĐHNH theo thông tư 11/2020/TT-BLĐTBXH.*
- *Trong quân đội được hướng dẫn bởi thông tư 20/2016/tt-BLĐTBXH*

03. KHÁM ĐỊNH KỲ

6 THÁNG HOẶC 1 NĂM TÙY LOẠI BỆNH
(THEO PHỤ LỤC 6 THÔNG TƯ 28/2016/TT-BYT)

LUẬT AT-VSLĐ

Điều 24: Người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động bồi dưỡng bằng hiện vật

BỒI DƯỠNG BẰNG HIỆN VẬT

TT 24/2022/TT-BLĐTBXH

Ngày ban hành: 30/11/2022

Ngày hiệu lực: 01/03/2023

1. Nghề trong thông tư 11/2020
2. Có ít nhất 1 yếu tố NH/CH vượt ngưỡng
3. Tiếp xúc với ít nhất 01 yếu tố được xếp từ 4 điểm trở lên thuộc nhóm chỉ tiêu “Tiếp xúc các nguồn gây bệnh truyền nhiễm Số thứ tự 10.1 mục A. PL1 của TT 29/2021/TT – BYT

- a) Mức 1: 13.000 đồng
- b) Mức 2: 20.000 đồng
- c) Mức 3: 26.000 đồng
- d) Mức 4: 32.000 đồng

NỘI DUNG SỐ 4

PPE

Phương tiện bảo vệ cá nhân

ĐIỀU 23 LUẬT AT - VSLĐ

TT 25/2022/TT-BLĐTBXH

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PPE

Ngày ban hành: 30/11/2022

Ngày hiệu lực: 01/04/2023



NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

■ **ĐÚNG CHỦNG LOẠI, ĐÚNG ĐỐI TƯỢNG, ĐỦ SỐ LƯỢNG**

■ **KHÔNG CẤP PHÁT BẰNG TIỀN**

■ **HƯỚNG DẪN - GIÁM SÁT NGƯỜI LAO ĐỘNG SỬ DỤNG**

■ **LẬP SỔ CẤP PHÁT; CÓ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NHẬN (Phụ lục 2)**

■ **BỐ TRÍ NƠI CẤT GIỮ, BẢO QUẢN PPE**

Điều 4. Điều kiện được trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân

Làm việc tiếp xúc với một trong những yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại dưới đây thì được trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân:

1. Tiếp xúc với yếu tố vật lý không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh.
2. Tiếp xúc với bụi và hóa chất độc hại.
3. Tiếp xúc với yếu tố sinh học độc hại:
 - a) Vi rút, vi khuẩn độc hại gây bệnh, côn trùng có hại;
 - b) Phân, nước thải, rác, cống rãnh;
 - c) Các yếu tố sinh học độc hại khác.
4. Làm việc với máy, thiết bị, công cụ lao động tiềm ẩn các mối nguy mất an toàn, vệ sinh lao động, làm việc ở vị trí mà tư thế lao động nguy hiểm dễ gây ra tai nạn lao động; làm việc trên cao; làm việc trong hầm lò, nơi thiếu dưỡng khí; làm việc trên biển, trên sông nước, trong hầm sâu, trong không gian hạn chế, trong rừng; làm việc trong núi đá, hang đá hoặc điều kiện lao động nguy hiểm, độc hại khác.



NỘI DUNG SỐ 5

XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG HỌC NGHỀ TẬP NGHỀ

*Người học nghề, người tập nghề phải đủ 14 tuổi trở lên và phải có đủ sức khỏe phù hợp với yêu cầu học nghề, tập nghề. **Người học nghề, người tập nghề thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành phải từ đủ 18 tuổi trở lên, trừ lĩnh vực nghệ thuật, thể dục, thể thao***

NỘI DUNG SỐ 6

NGÀY NGHỈ PHÉP NĂM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 113 luật LĐ 2019 quy định về NGÀY NGHỈ HÀNG NĂM (Điểm b,c khoản 1)

- b) 14 ngày làm việc đối với người lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật, người làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
- c) 16 ngày làm việc đối với người làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.



NỘI DUNG SỐ 7

Điều 137 luật lao động năm 2019- BẢO VỆ THAI SẢN (Khoản 2 điều 137)

Lao động nữ làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc làm nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản và nuôi con khi mang thai và có thông báo cho người sử dụng lao động biết thì được người sử dụng lao động chuyển sang làm công việc nhẹ hơn, an toàn hơn hoặc giảm bớt 01 giờ làm việc hằng ngày mà không bị cắt giảm tiền lương và quyền, lợi ích cho đến hết thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

NỘI DUNG SỐ 8

SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG CAO TUỔI

Điều 149 luật lao động năm 2019- Sử dụng người lao động cao tuổi (KHOẢN 3 ĐIỀU 149)

Không được sử dụng người lao động cao tuổi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động cao tuổi, trừ trường hợp bảo đảm các điều kiện làm việc an toàn



NỘI DUNG SỐ 9

SỬ DỤNG LAO ĐỘNG KHUYẾT TẬT

Điều 160 luật Lao động 2019 (Khoản 2 điều 160)

CẤM sử dụng người lao động là người khuyết tật làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành mà không có sự đồng ý của người khuyết tật sau khi đã được người sử dụng lao động cung cấp đầy đủ thông tin về công việc đó.



NỘI DUNG SỐ 10

NGHỈ HƯU

Điều 169 luật Lao động 2019 – NGHỈ HƯU (Khoản 3 điều 169)

Người lao động bị suy giảm khả năng lao động; làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định tại khoản 2 Điều này tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

NỘI DUNG SỐ 11

Khoản 1 Điều 5 Nghị định 135/2020/NĐ-CP NGHỊ ĐỊNH
QUY ĐỊNH VỀ TUỔI NGHỈ HƯU

*Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 135/2020/NĐ-CP như sau:
Người lao động thuộc các trường hợp dưới đây có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn
nhưng không quá 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Điều 4 của Nghị định
này tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác:*

*a) Người lao động có từ đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc
hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.*

NỘI DUNG SỐ 12

Điều 26 Luật bảo hiểm xã hội 2014 quy định về thời gian hưởng chế độ ốm đau như sau:

b) Làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành hoặc làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 trở lên thì được hưởng 40 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 15 năm; 50 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 70 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên.

NỘI DUNG SỐ 13

Phụ cấp độc hại với những người lao động khác được quy định như thế nào?

Theo quy định tại **Điều 103** **Bộ luật Lao động 2019** có quy định về chế độ nâng lương, phụ cấp và trợ cấp như sau:

Chế độ nâng lương, nâng bậc, phụ cấp, trợ cấp

Chế độ nâng lương, nâng bậc, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khuyến khích đối với người lao động được thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc quy định của người sử dụng lao động.

Như vậy, đối với chế độ phụ cấp độc hại sẽ được bên người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận trong hợp đồng hoặc thỏa ước lao động tập thể hoặc trong quy chế của người sử dụng lao động.

QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Khoản 5 Điều 21 nghị định Số: 12/2022/NĐ-CP ban hành ngày 17/01/2022

Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi không thực hiện đánh giá, phân loại lao động theo điều kiện lao động đối với nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm để thực hiện chế độ cho người lao động quy định tại khoản 3 Điều 22 của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Điều 6

Mức phạt tiền, thẩm quyền xử phạt và nguyên tắc áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính nhiều lần

1. Mức phạt tiền quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II, Chương III và Chương IV Nghị định này là mức phạt đối với cá nhân, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 5 Điều 7; khoản 3, 4, 6 Điều 13; khoản 2 Điều 25; khoản 1 Điều 26; khoản 1, 5, 6, 7 Điều 27; khoản 8 Điều 39; khoản 5 Điều 41; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 42; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 43; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 45; khoản 3 Điều 46 Nghị định này. **Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.**

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Chương V Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, **thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân.**



Thanks

SEE YOU